

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỎ CÀY NAM  
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **39/2022/DS-ST**

Ngày: 28-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Mai Thị Nhắc
2. Ông Phạm Văn Nam

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 53/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp Tân Hậu 2, xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1980, địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

*(Tất cả các đương sự đều có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2022, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn anh Nguyễn Quang T trình bày:*

Anh là em ruột của anh Nguyễn Minh T1. Vào ngày 22/6/2018 (Dương lịch), anh có cho anh Nguyễn Minh T1 vay số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, thỏa thuận đóng lãi hàng tháng 900.000 (Chín trăm nghìn) đồng. Tuy nhiên, anh T1 chỉ đóng lãi được 09 tháng thì ngưng không đóng nữa. Vào ngày 27/7/2020 (Dương lịch), anh T1 có trả cho anh được 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng tiền vốn nên còn nợ lại 86.000.000 (Tám mươi sáu triệu) đồng. Khi cho vay, anh T1 có viết giấy mượn tiền không tiêu đề, dòng đầu tiên ghi “*Hôm nay ngày 22-6-2018 DL...*” có nội dung anh T1 mượn của anh số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu)

đồng và anh T1 ký tên bên mục “*người mượn*”, anh T1 viết giấy và trực tiếp nhận tiền tại nhà của anh. Khi anh giao tiền cho anh T1 có mẹ ruột của anh và anh T1 là bà Nguyễn Thị Thu V chứng kiến. Ngoài giấy mượn tiền anh cung cấp cho Tòa thì anh và anh T1 không có lập bất cứ giấy tờ nào khác. Anh đã nhiều lần yêu cầu anh T1 hoàn trả số tiền còn nợ nhưng anh T1 vẫn không trả và nhiều lần nhắn tin cho anh để xin hoãn trả nợ. Anh không có cho anh T1 mượn tiền lần nào khác ngoài lần này. Nội dung tin nhắn anh cung cấp cho Tòa án là do anh T1 gửi cho anh để xin hoãn trả số tiền vay này.

Nay anh yêu cầu anh Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho anh số tiền vốn vay 86.000.000 (Tám mươi sáu triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; bị đơn anh Nguyễn Minh T1 trình bày:*

Anh thừa nhận nội dung của giấy không tiêu đề dòng đầu tiên ghi “*Hôm nay ngày 22-6-2018 DL...*” do anh Nguyễn Quang T cung cấp là do anh tự viết, không ai ép buộc anh. Giấy có nội dung “*Hôm nay ngày 22-06-2018 DL có mượn tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn) Mỗi tháng đóng lãi 900.000đ (Chín trăm chẵn)*”. Sau khi viết giấy này xong thì anh có ký tên và ghi họ tên Nguyễn Minh T1 phía dưới chữ ký ở mục “*Người mượn*”. Tuy nhiên, anh chỉ viết giấy này mà không có nhận bất cứ số tiền nào từ anh T. Lý do: Khi anh hỏi mượn tiền anh T, anh T yêu cầu anh viết giấy nợ rồi sẽ cho anh mượn, nhưng khi anh đã viết xong giấy nợ (giấy do anh T cung cấp) thì anh T không cho anh mượn tiền. Do anh nghĩ đây chỉ là tờ giấy viết tay, không có người làm chứng cũng như không có xác nhận của chính quyền địa phương sẽ không có giá trị nên anh không xé bỏ mà bỏ về. Khi anh đến mượn tiền của anh T thì chỉ có anh và anh T, không có ai khác. Do anh không có nhận số tiền nào từ anh T nên anh không đồng ý hoàn trả cho anh T số tiền 86.000.000 (tám mươi sáu triệu) đồng theo yêu cầu khởi kiện của anh T. Nếu anh T cho rằng có giao cho anh số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, anh yêu cầu anh T cung cấp giấy biên nhận. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Anh thừa nhận nội dung tin nhắn do anh T cung cấp là do anh tự soạn và gửi cho anh T. Do trước đây anh có vay tiền của anh T nhưng vay số tiền ít khoảng 500.000 đồng, 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, nhiều nhất là 5.000.000 đồng và đã trả xong, chứ không có vay số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng như đơn khởi kiện của anh T. Những lần vay mượn tiền này anh và anh T đều không có viết giấy biên nhận, cũng như khi anh trả tiền cho anh T đều không có lập biên bản giao nhận tiền nên anh không có chứng cứ chứng minh. Nhưng những nội dung tin nhắn anh gửi cho anh T là để xin hoãn trả những số tiền anh đã mượn của anh T như anh đã trình bày ở trên chứ không phải là anh xin hoãn trả số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vì anh không có vay của anh T số tiền lớn như vậy.

*Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Quang T, buộc anh Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Quang T số tiền vốn vay còn nợ là 86.000.000 (Tám mươi sáu triệu) đồng. Ghi nhận anh Nguyễn Quang T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền anh Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ hoàn trả.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện M nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 16/02/2022, anh Nguyễn Quang T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Minh T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh T số tiền vốn vay là 86.000.000 (Tám mươi sáu triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện M xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Theo xác nhận nơi cư trú ngày 15/02/2022 của Công an thị trấn MC, huyện M xác định bị đơn anh Nguyễn Minh T1 có nơi cư trú tại Khu phố \*, thị trấn MC, huyện M nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre. Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Nội dung vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Quang T khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Minh T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh T số tiền vốn vay là 86.000.000 (Tám mươi sáu triệu) đồng. Tại các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh T1 thừa nhận vào ngày 22/6/2018 anh có viết giấy không tiêu đề do anh T cung cấp, không ai ép buộc anh, giấy có nội dung *“Hôm nay ngày 22-06-2018 DL có mượn tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng chẵn) Mỗi tháng đóng lãi 900.000đ (Chín trăm chẵn)”* và anh có ký tên, ghi họ và tên phía dưới chữ ký ở mục *“Người mượn”* nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh T1 cho rằng anh chỉ viết giấy để mượn của anh T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng chứ anh hoàn toàn không có nhận số tiền nào từ anh T do sau khi viết giấy xong anh T không đồng ý cho anh mượn. Anh T cho rằng vào thời điểm viết

giấy không có tiêu đề nêu trên thì anh đã giao cho anh T1 đủ số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị Thu V (mẹ ruột của anh và anh T1). Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng đề ngày 02/6/2022, bà V khẳng định vào ngày 22/6/2018 bà có trực tiếp chứng kiến anh T giao cho anh T1 mượn số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của anh T. Ngoài ra, tại nội dung tin nhắn do anh T cung cấp có nội dung anh T1 hứa trả nợ sớm cho anh T và anh T1 cũng thừa nhận những nội dung tin nhắn này do anh tự soạn và gửi cho anh T. Nhưng anh T1 lại cho rằng do trước đây anh có mượn của anh T số tiền ít khoảng 500.000 đồng, 1.000.000 đồng, 2.000.000 đồng, nhiều nhất là 5.000.000 đồng và chưa có khả năng chi trả nên anh nhắn tin với anh T để hứa trả những số tiền này chứ không phải số tiền anh T đang khởi kiện anh. Anh T xác định ngoài lần anh cho anh T1 vay 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng thì anh không có cho anh T1 mượn số tiền nào khác và anh T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh. Do đó, có đủ cơ sở để xác định vào ngày 22/6/2018 anh T1 có vay của anh T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng như nội dung giấy không tiêu đề, dòng đầu tiên ghi “*Hôm nay ngày 22-06-2018 DL*” do anh T cung cấp. Anh T1 xác định anh không có trả cho anh T số tiền nào nhưng anh T lại cho rằng anh T1 đã hoàn trả cho anh được 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng và chỉ yêu cầu anh T1 hoàn trả cho anh 86.000.000 (Tám mươi sáu triệu) đồng là sự tự nguyện nên ghi nhận. Vì vậy, buộc anh T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho anh T số tiền vốn vay 86.000.000 (Tám mươi sáu triệu) đồng.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi: Anh Nguyễn Quang T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền anh Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ hoàn trả là sự tự nguyện nên ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả: 86.000.000 đồng x 5% = 4.300.000 đồng.

[5] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Quang T.

Buộc anh Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Nguyễn Quang T số tiền vốn vay là 86.000.000 (Tám mươi sáu triệu) đồng.

Ghi nhận anh Nguyễn Quang T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền anh Nguyễn Minh T1 có nghĩa vụ hoàn trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**2. Về án phí:**

Anh Nguyễn Minh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.300.000 (Bốn triệu ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Quang T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.150.000 (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số \*\*\*\*\* ngày \*\*/\*\*/\*\*\*\* của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng Kim Sang**